

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 18 – 4 - 2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho QSDĐ,
tài sản gắn liền với đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Trần Đại Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 266/2024/TLST-DS ngày 12/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2024/QĐXXST-DS ngày 17/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST-DS ngày 03/01/2025, Thông báo mở lại phiên toà ngày 10/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

2/ Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1982; Địa chỉ: 4 N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà P và ông H: Ông Võ Hoàng Q, sinh năm 1991, địa chỉ: 1 N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên toà.

- **Bị đơn:**

1/ Bà Nguyễn Hải N, sinh năm 1983. Địa chỉ: C N, Phường E, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà N vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1983. Địa chỉ thường trú: Khu phố L, Thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: Thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Ông V vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Văn phòng C1. Địa chỉ: A T, Phường C (nay là Phường E), thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có văn bản đề nghị vắng mặt.

2/ Ngân hàng TMCP N1. Địa chỉ liên hệ: Số A H, Phường F, thành phố T, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam. Vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P do ông Võ Hoàng Q đại diện trình bày:** Giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hoàng V có quan hệ quen biết với nhau. Bà P là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng S. Ông V nhiều lần mua vật liệu xây dựng của bà P để thực hiện các công trình nhà ở mà ông nhận thầu. Ông V có mua nợ tiền vật liệu xây dựng của bà P và nói rằng khi nào chủ nhà thanh toán thì ông sẽ thanh toán cho bà P. Ngày 20/6/2023 ông V làm giấy nhận nợ số tiền 75.000.000 đồng và hẹn 1 tháng sau tức là ngày 20/7/2023 sẽ trả nhưng đến hẹn ông V không trả và giấy nhận nợ này thì nguyên đơn không giữ mà bị đơn chỉ chụp gửi qua cho nguyên đơn để xác nhận nợ. Bà P đã nhiều lần liên hệ đề nghị ông V trả lại số tiền 75.000.000 đồng nhưng không được. Sau đó, nguyên đơn Nguyễn Thị P thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 75.000.000 đồng, khởi kiện yêu cầu ông V, bà N phải trả số tiền 73.200.000 đồng theo giấy mượn tiền gốc 20/01/2023, không thoả thuận lãi suất tại thời điểm mượn tiền nên nay nguyên đơn P yêu cầu tính lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày Toà án thụ lý vụ án cho đến khi ông V, bà N trả nợ xong.

***Nguyên đơn ông Huỳnh Kim H do ông Võ Hoàng Q đại diện theo uỷ quyền trình bày:** Giữa nguyên đơn Huỳnh Kim H và bị đơn Nguyễn Hoàng V có quan hệ quen biết với nhau. Ông V là chủ thầu xây dựng. Quá trình làm ăn, ông V cần tiền để xoay sở công việc nên có mượn của ông H số tiền 200.000.000 đồng và hẹn một tháng sẽ trả. Sau đó, ông V có trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại là 150.000.000 đồng. Giấy mượn tiền là do ông Nguyễn Hoàng Văn V1 và ký tên ngày 23/9/2023.

Tuy nhiên, sau nhiều lần liên hệ, ông V không chịu trả nợ cho nguyên đơn. Ông H được biết ông V đã chuyển toàn bộ tài sản cho vợ là bà Nguyễn Hải N và vợ chồng ông V, bà N đã ly hôn, trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho ông H. Do đó, ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét, buộc vợ chồng ông Nguyễn Hoàng V, bà Nguyễn Hải N phải trả cho ông H số tiền 150.000.000 đồng, ông H không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn xác định đây là nợ riêng của ông V nhưng yêu cầu cả bà N và ông V phải cùng trả nợ vì tài sản nhà và đất tại C N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên là tài sản chung của vợ chồng, việc bà N cho rằng vợ chồng đã thoả thuận chia tài sản chung, nhưng tại thời điểm ông Văn T cho bà N thì chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên toà ngày 20/8/2024, nguyên đơn ông Huỳnh Kim H, bà Nguyễn Thị P cùng có yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 241, tờ bản đồ số 16

tại địa chỉ C N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên giữa ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Hải N theo số công chứng 1761 ngày 12/12/2023 của Văn phòng C1 vì lý do bị đơn Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Hải N đã thực hiện giao dịch giả tạo nhằm tẩu tán tài sản và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho các nguyên đơn.

***Bị đơn bà Nguyễn Hải N trình bày:** Trong thời kỳ hôn nhân, ông Nguyễn Hoàng V làm ăn với các cá nhân khác và ông Huỳnh Kim H, bà Nguyễn Thị P thì bà N không biết, ông V vay tiền không sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng. Tài chính giữa bà N và ông V là độc lập nên ông V mượn tiền của ông H, bà P để làm gì thì bà cũng không biết. Do đó, bà N không đồng ý trả nợ cho bà P, ông H.

Sau khi ly hôn vào năm 2023 thì tài sản đã được thoả thuận phân chia, nhà đất tại C N đã sang tên cho bà từ năm 2023. Khi ly hôn thì bà P có khoản nợ riêng tại Ngân hàng là hơn 5 tỷ đồng. Sau đó, khi ly hôn, ước tính giá trị nhà mua là khoảng hơn 6 tỷ đồng, tiền vay Ngân hàng là hơn 5 tỷ đồng bà N có trách nhiệm trả nợ, còn khoản tiền chênh lệch là 1,4 tỷ đồng thì bà N chấp nhận chia đôi, trả cho ông V 700 triệu đồng, còn lại nhà và đất là của bà N. Hiện giờ hai mẹ con bà N ở, còn ông V thì đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Từ khi ly hôn, hai bên không liên lạc, không nói chuyện qua lại.

***Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V vắng mặt, ngày 26/11/2024 có lời khai tại Toà án:** Toà án thông báo việc bà Nguyễn Thị P và ông Huỳnh Kim H khởi kiện yêu cầu ông V và bà N trả số nợ là 73.200.000 đồng và ông H số tiền 200.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng nên còn nợ lại là 150.000.000 đồng. Ông V đều biết việc thông báo này nhưng do bị bệnh nên ông V chưa thể đến Toà trình bày được.

Đối với khoản vay của bà P thì ông V mua vật liệu xây dựng nên cuối năm chưa trả được bà Nguyễn Thị P nên có viết giấy mượn tiền ngày 20/01/2023 số tiền là 73.200.000 đồng. Ông V thừa nhận là có nợ bà P và chấp nhận trả nợ theo số tiền gốc và lãi yêu cầu. Ông V cũng thừa nhận nợ ông H 200.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng còn nợ lại 150.000.000 đồng, chấp nhận trả nợ. Đây là các khoản nợ riêng của ông V với bà P, ông H. Bà N không biết và không liên quan gì đến các khoản nợ này.

Ông V chấp nhận trả nợ cho bà P và ông H theo số tiền gốc và lãi yêu cầu nhưng mong bà P và ông H cho thời gian để trả nợ sau khi điều trị bệnh ổn rồi đi làm kiếm tiền trả nợ.

Đối với yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho giữa ông V và bà N thì ông V không chấp nhận vì trước hôn nhân thì tài sản này của chị N, ông Văn C đứng tên theo thời kỳ hôn nhân. Nay đã ly hôn nên không còn liên quan. Yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định. Về việc việc tham gia tố tụng tại Toà thì ông V sức khỏe không đảm bảo, phải điều trị bệnh thường xuyên nên xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên hoà giải cũng như xét xử vụ án. Không trình bày gì thêm.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 có văn bản số 09/2024/CV-VPCC ngày 06/12/2024 trình bày:** Ngày 27/8/2024, Văn phòng C1 có gửi công văn giải trình số 04/2024/CV-VPCC và kèm theo toàn bộ hồ sơ, tài liệu, các giấy tờ liên quan đến việc công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Hải N. Đề nghị Toà án nhân dân

thành phố Tuy Hoà xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP N1 trình bày:* Tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ C N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên đang được thế chấp tại V2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 1223/HĐTC-NHN ngày 14/12/2023, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T theo đúng quy định của pháp luật, Do đó, V3 không đồng ý việc huỷ hợp đồng tặng cho đối với tài sản trên. V3 đề nghị được vắng mặt trong tất cả buổi làm việc cũng như phiên toà xét xử vụ án và đề nghị Toà án xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn là ông Võ Hoàng Q trình bày yêu cầu bị đơn Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Hải N phải trả cho ông Huỳnh Kim H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu bị đơn Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Hải N phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 73.200.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày toà án thụ lý vụ án cho đến khi ông V, bà N trả nợ xong. Rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 75.000.000 đồng. Yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Hải N vì có dấu hiệu tẩu tán tài sản, trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Hoàng V vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Kim H, buộc bị đơn Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ trả số nợ gốc 150.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn H không tính lãi. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn P về việc yêu cầu bị đơn V trả gốc 73.200.000 đồng và lãi theo lãi suất 10%/năm, thời gian tính từ ngày thụ lý vụ án cho đến khi trả nợ xong. Ghi nhận sự tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị P đối với số nợ 75.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Hải N phải cùng liên đới trả nợ với bị đơn Nguyễn Hoàng V. Không chấp nhận yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Hải N vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Huỳnh Kim H, Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Hoàng V trả nợ, yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Hải N có địa chỉ tại số C N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Do đó,

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án triệu tập họp lệ các đương sự tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Hải N, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1, Ngân hàng TMCP N1 đều vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn Huỳnh Kim H yêu cầu bị đơn Nguyễn Hoàng V và bị đơn Nguyễn Hải N trả số tiền nợ còn lại là 150.000.000 đồng theo Giấy mượn nợ ngày 23/9/2023. Không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét giấy mượn tiền ngày 23/9/2023, bị đơn Nguyễn Hoàng Văn M số tiền 200.000.000đ, không thoả thuận lãi, thời gian trả là 01 tháng kể từ ngày mượn tức là 23/10/2023. Như vậy, xác định đây là Hợp đồng vay có kỳ hạn quy định tại Điều 463, 470 BLDS năm 2015. Bị đơn đã trả số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng từ tháng 11/2023 đến nay không trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận, phù hợp quy định tại Điều 466 BLDS. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Kim H, buộc bị đơn Nguyễn Hoàng V phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng.

[5] Bị đơn Nguyễn Hải N trình bày không biết gì về khoản nợ giữa ông V và ông H. Xét giấy nhận nợ của bị đơn V với nguyên đơn H chỉ có chữ ký của Nguyễn Hoàng V, không có chữ viết, chữ ký của bị đơn Nguyễn Hải N. Nguyên đơn không chứng minh được bà N cùng với ông Văn M của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng và đã trả được 50.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Kim H về việc buộc bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông V.

[6] Lãi suất đối với số tiền 150.000.000 đồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[7] Nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày bị đơn Nguyễn Hoàng V để mua vật liệu xây dựng nhiều lần nhưng chưa trả, sau bị đơn viết giấy nhận nợ số tiền 73.200.000 đồng ngày 20/01/2023. Bị đơn Nguyễn Hoàng V thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Nguyễn Hoàng V phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị P số nợ gốc là 73.200.000 đồng

[8] Trong giấy mượn nợ ngày 20/01/2023 giữa nguyên đơn Nguyễn Thị P và bị đơn Nguyễn Hoàng V không thoả thuận lãi, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày thụ lý vụ án cho đến khi bị đơn trả nợ xong, lãi suất 10%/năm xét phù hợp nên chấp nhận. Cụ thể thời gian tính lãi từ ngày 02/4/2024 (ngày thụ lý vụ án) cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/4/2025 là: $73.200.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ năm} \times 16 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 80.845.333 \text{ đồng}$.

[9] Bị đơn Nguyễn Hải N không biết bà P, không biết khoản nợ 73.200.000 đồng giữa bà P và ông V, không liên quan đến việc làm ăn của ông V. Nguyên đơn không chứng minh được bà N cùng với ông Văn M của nguyên đơn số tiền

73.200.000 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông V.

[10] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[11] Đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 75.000.000 đồng. Nguyên đơn Nguyễn Thị P rút yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu giải quyết. Xét việc rút yêu cầu là tự nguyện, không bị ép buộc nên ghi nhận. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị P yêu cầu bị đơn Nguyễn Hoàng V trả số tiền 75.000.000 đồng.

[12] Đối với yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho giữa ông Nguyễn Hoàng V với bà Nguyễn Hải N: Xét ngày 23/11/2023, ông Nguyễn Hoàng Văn ly H1 với bà Nguyễn Hải N theo Quyết định số 261/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Ngày 12/12/2023, ông Nguyễn Hoàng V xác lập hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Hải N đối với $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 241, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ C N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo số công chứng 1761 ngày 12/12/2023 của Văn phòng C1.

[13] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 616851, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: H00352 do UBND thành phố T cấp ngày 04/6/2006, ngày 14/7/2022, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Hải N theo hồ sơ số 022544.CN.007. Được cập nhật biến động cho bà Nguyễn Hải N ngày 13/12/2023. Bà N thế chấp tài sản nhà và đất tại địa chỉ C N, Phường E để đảm bảo cho khoản vay của bà N tại Ngân hàng TMCP N1 theo Hợp đồng thế chấp ngày 14/12/2023.

[14] Quá trình tặng cho tài sản được Văn phòng C1 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cập nhật biến động và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Hợp đồng thế chấp tài sản giữa bà Nguyễn Hải N và Ngân hàng TMCP N1 ngày 14/12/2023 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định nên Ngân hàng TMCP N1 là người thứ ba ngay tình quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời điểm tặng cho tài sản thì tài sản tặng cho không có tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch, chưa có các bản án của Tòa án có thẩm quyền buộc bị đơn Nguyễn Hoàng V và bị đơn Nguyễn Hải N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự. Mặt khác, các khoản vay giữa bị đơn V và nguyên đơn P, nguyên đơn H là các khoản vay không có tài sản đảm bảo. Do đó, nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Hoàng V có hành vi tẩu tán tài sản nhằm

trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho các nguyên đơn đề yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho giữa bị đơn V và bị đơn Nguyễn là không có căn cứ chấp nhận.

[15] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn Nguyễn Thị P và Huỳnh Kim H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Kim H; buộc bị đơn Nguyễn Hoàng V phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), không tính lãi. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị P, buộc bị đơn Nguyễn Hoàng V phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị P số tiền 80.845.333 đồng, trong đó nợ gốc là 73.200.000 đồng, lãi là 7.645.333 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P buộc bị đơn Nguyễn Hoàng V trả nợ số tiền 75.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Kim H, Nguyễn Thị P về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Hải N có nghĩa vụ trả nợ cùng với bị đơn Nguyễn Hoàng V. Vì không có căn cứ.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Kim H và Nguyễn Thị P về việc yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho ngày 12/12/2023 giữa ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Hải N theo số công chứng 1761 ngày 12/12/2023 của Văn phòng C1. Vì không có căn cứ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Hoàng V phải chịu 11.542.000 (Mười một triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Huỳnh Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002747 ngày 23/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Nguyên đơn Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002745 ngày 23/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

H2 lại cho nguyên đơn Huỳnh Kim H số tiền 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0002455 ngày 06/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên.

H2 lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị P số tiền 1.830.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002746 ngày 23/8/2024 và số tiền 1.875.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002358 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hoà;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên